

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 11 - 2024
V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁC ÁI, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sầm A Tắc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cadá Thị Lính.
2. Ông Trương Thọ Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bác Ái tham gia phiên tòa:

Ông Thành Chế Trọng Triết - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 41/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 về “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXX-ST ngày 30 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Kator Thị Đ, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Hải - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Thuận (Có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Kator X, sinh năm 1986 (Xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Xuân Lượng - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Thuận (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/9/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Kator Thị Đ trình bày:

Chị và anh Kator X chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 01/10/2009 tại Ủy ban nhân dân xã P. Sau khi kết hôn, hai người sinh sống tại thôn S, xã P, huyện B. Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng tương đối

hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, không cùng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã bỏ mặc mảnh ai nấy sống, không quan tâm, chăm sóc cho nhau. Nay mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh X.

Về con chung: Chị Đ và anh X có với nhau 04 (bốn) người con chung là các cháu Kator Thị Đ1, sinh ngày 16/6/2007; Kator T, sinh ngày 05/8/2009; Kator Thị L, sinh ngày 11/5/2012 và Kator H, sinh ngày 22/01/2015.

Khi ly hôn, chị Đ yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu Kator Thị Đ1, Kator T, Kator Thị L và Kator H. Chị Đ không yêu cầu anh X phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21/10/2024, anh Kator X trình bày:

Anh X thống nhất với lời trình bày của chị Kator Thị Đ về thời điểm sống chung và đăng ký kết hôn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa hai người. Nay anh X đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đ và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bắc Ái giải quyết theo quy định của pháp luật. Đồng thời anh X đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bắc Ái cho phép anh được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như khi xét xử.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Hải – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Thuận có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã gửi bài phát biểu cho Hội đồng xét xử: Bà Hải đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Kator Thị Đ:

- Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị Kator Thị Đ được ly hôn với anh Kator X.

- Về con chung: Giao các cháu Kator Thị Đ1, sinh ngày 16/6/2007; Kator T, sinh ngày 05/8/2009; Kator Thị L, sinh ngày 11/5/2012 và Kator H, sinh ngày 22/01/2015 cho chị Đ trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, anh X không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ và anh X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Xuân Lượng – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Thuận phát biểu: Ông Lượng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận ý kiến của anh Kator X:

- Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho anh Kator X được ly hôn với chị Kator Thị Đ.

- Về con chung: Giao các cháu Kator Thị Đ1, sinh ngày 16/6/2007; Kator T, sinh ngày 05/8/2009; Kator Thị L, sinh ngày 11/5/2012 và Kator H, sinh ngày 22/01/2015 cho chị Đ trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, anh X không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh X và chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Ái phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án là đúng theo quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn chị Kator Thị Đ kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Kator X chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không chấp hành các quyết định của Tòa án nên gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án.

Ngày 21/10/2024, anh X đã làm bản tự khai và đồng thời đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bác Ái cho phép anh được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như khi xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vụ án là có cơ sở.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ pháp luật “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*”, bị đơn anh Kator X hiện đang sinh sống và làm ăn tại xã P, huyện B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bác Ái theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của chị Đ cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Chị Đ và anh X chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P vào ngày 01/10/2009. Nay chị Đ có yêu cầu ly hôn thì được giải quyết theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị Đ và anh X có với nhau 04 (bốn) người con chung là các cháu Kator Thị Đ1, sinh ngày 16/6/2007; Kator Toàn, sinh ngày 05/8/2009; Kator Thị L, sinh ngày 11/5/2012 và Kator H, sinh ngày 22/01/2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử giao các cháu Kator Thị Đ1, sinh ngày 16/6/2007; Kator T, sinh ngày 05/8/2009; Kator Thị L, sinh ngày 11/5/2012 và Kator H, sinh ngày 22/01/2015 cho chị Đ trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, anh X không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung như yêu cầu của chị Đ và anh X.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ và anh X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập đến.

- Về án phí: Chị Kator Thị Đ là người dân tộc thiểu số sống ở xã P là Xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, chị Đ có đơn xin miễn nộp tiền án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Tòa án nhân dân huyện Bác Ái đã có thông báo miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Đ là có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Ngày 18/9/2024, chị Kator Thị Đ làm đơn đến Tòa án huyện Bác Ái yêu cầu giải quyết cho được ly hôn với anh

Kator X, nên Tòa án nhân dân huyện Bắc Ái căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bắc Ái đã nhiều lần gửi giấy triệu tập anh Kator X đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với chị Kator Thị Đ, nhưng anh X không đến Tòa án. Ngày 21/10/2024, anh X đã làm bản tự khai thống nhất với lời trình bày của chị Kator Thị Đ về thời điểm sống chung và đăng ký kết hôn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa hai người. Anh X đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đ và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bắc Ái giải quyết theo quy định của pháp luật, đồng thời cho phép anh được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như khi xét xử.

Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Kator Thị Đ và anh Kator X chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 01/10/2009 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, không cùng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã bỏ mặc mảnh ai nấy sống, không quan tâm, chăm sóc cho nhau. Nay mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có và mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Đ làm đơn đến Tòa án đề nghị giải quyết được ly hôn với anh X. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị Đ được ly hôn với anh X.

2.2. Về con chung: Chị Đ và ông X có với nhau 04 (bốn) người con chung là các cháu Kator Thị Đ1, sinh ngày 16/6/2007; Kator T, sinh ngày 05/8/2009; Kator Thị L, sinh ngày 11/5/2012 và Kator H, sinh ngày 22/01/2015.

Khi giải quyết ly hôn, chị Đ và anh X cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao các cháu Kator Thị Đ1, sinh ngày 16/6/2007; Kator T, sinh ngày 05/8/2009; Kator Thị L, sinh ngày 11/5/2012 và Kator H, sinh ngày 22/01/2015 cho chị Đ trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, anh X không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, chị Đ và anh X cùng đề nghị giao các cháu cho chị Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là sự tự nguyện giữa hai người nên chấp nhận.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ và anh X không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[3] Về án phí: Chị Kator Thị Đ là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, chị Đ có đơn xin miễn nộp tiền án phí. Tòa án nhân dân huyện Bắc Ái đã có thông báo miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Đ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ: Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ: Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Kator Thị Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị Kator Thị Đ được ly hôn với anh Kator X.

2. Về con chung: Giao các cháu Kator Thị Đ1, sinh ngày 16/6/2007; Kator T, sinh ngày 05/8/2009; Kator Thị L, sinh ngày 11/5/2012 và Kator H, sinh ngày 22/01/2015 cho chị Đ được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh Kator X không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được quyền ngăn cản việc đi lại thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Kator Thị Đ.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (18/11/2024).

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Bắc Ái;
- Chi cục THADS huyện Bắc Ái;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sấm A Tắc

